

Bản án số: 303/2024/DS-PT

Ngày: 12 - 11 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh T – sinh năm: 1967

Địa chỉ: 911 HV, tổ dân phố 3, P. TA, thị xã BH, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh H – sinh năm 1987

Địa chỉ: 57, đường A5, thôn 1, xã CE, Tp. BMT, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Kim A – sinh năm: 1968

Địa chỉ: 99 NT, tổ dân phố 5, P. AB, thị xã BH, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng P – sinh năm: 1977

Địa chỉ: 73 Y B, P. TL, Tp. BMT, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 23/10/2009 bà Nguyễn Thị Minh T cho bà Bùi Thị Kim A vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay tiền bà A có ký xác nhận vào sổ của bà T. Hai bên

không xác định thời hạn vay mà chỉ thỏa thuận miệng là khi nào bà T cần thì bà A trả nợ. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận 3%/tháng.

Sau đó, bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay bà A vẫn chưa trả, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà A trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay 23/10/2009 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 527.000.000 đồng. Quá trình vay bà T xác định bà A đã trả được 15.000.000 đồng lãi suất, nên bà T đồng ý khấu trừ vào số lãi suất nói trên, còn lại 512.000.000 đồng tính đến ngày xét xử và yêu cầu bà A tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi trả xong số nợ.

**Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của bị đơn Bùi Thị Kim A là ông Đào Hoàng P trình bày:**

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, theo ông Đào Hoàng P cho rằng bà A đã trả nhiều lần cho bà T. Cụ thể:

Lần 1 tháng 11/2009 trả cho bà T 35.000.000 đồng;

Lần 2 tháng 8/2010 trả cho ông K chồng bà T 15.000.000 đồng;

(Hai lần trả nêu trên có viết giấy trả nhưng hiện nay bà A đã làm mất).

Lần 3 tháng 10/2021 giao tiền cho bà Bùi Thị Kim V nhờ trả cho bà T 5.000.000 đồng;

Lần 4 tháng 10/2023 giao tiền cho bà Lê Thị Thu Q nhờ trả cho bà T 10.000.000 đồng;

Tổng cộng đã trả được 65.000.000 đồng

Phía bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và đồng ý chịu lãi suất tính từ lúc nguyên đơn khởi kiện đến nay theo quy định của pháp luật mà không yêu cầu khấu trừ các khoản đã trả nói trên. Không chấp nhận yêu cầu về lãi suất tính từ ngày khi vay 23/10/2009 đến khi thanh toán xong số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 119, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T. Bà Bùi Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và 11.666.000 đồng lãi suất;

Kể từ ngày 21/6/2024 bà Bùi Thị Kim A có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Bác yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Minh T đối với số tiền là 500.334.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà về tiền gốc và lãi suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, nội dung kháng cáo.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:***

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về lãi suất và án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 23/10/2009 bị đơn có vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng. Các bên thừa nhận tại giấy vay không thỏa thuận về thời hạn mà thỏa thuận miệng là khi nào bà T cần thì bà A phải trả. Bà T cho rằng lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, phía bà A không thừa nhận nên cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Như vậy, bà T có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Tại cấp sơ thẩm bà T không chứng minh được thời điểm bà yêu cầu bà A phải thanh toán nợ vào thời gian nào. Bản án sơ thẩm xác định bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án thể hiện bà T đã đòi nợ nhưng bà A không thanh toán, do đó thời điểm bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo thụ lý vụ án, bị đơn cũng đồng ý là có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả được khoản nợ gốc nào, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn được 65.000.000 đồng nợ gốc nhưng quá trình tham gia tố tụng thống nhất không tính toán các khoản tiền này nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng tiền vay gốc là phù hợp.

[2.2]. Về lãi suất: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay 23/10/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi suất chậm trả tính từ ngày Tòa án ban hành thông báo thụ lý 02/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tính tiền lãi 07 tháng với số tiền 11.666.000 đồng là không đúng, còn thiếu 18 ngày. Do đó, cần tính lại cụ thể như sau:

$200.000.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 07 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 12.493.150 \text{ đồng (Làm tròn)}$ .

Như vậy, bà Bùi Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T tổng số tiền là 212.493.150 đồng. (Trong đó tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng và tiền lãi : 12.493.150 đồng ).

Do tính lại tổng số tiền mà Bùi Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T tổng số tiền là 212.493.150 đồng nên tính lại án phí sơ thẩm mà bà A phải chịu là :  $212.493.150 \text{ đồng} \times 5\% = 10.624.657 \text{ đồng}$ .

Bản án sơ thẩm tuyên kể từ ngày 21/6/2024 bà Bùi Thị Kim A có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là không đúng với Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên cần sửa để tuyên lại cho đúng.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo phân tích trên.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Minh T phải không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 119, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

Buộc bà Bùi Thị Kim A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh T tổng số tiền 212.493.150 đồng. (Trong đó tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng và tiền lãi : 12.493.150 đồng ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bác yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Minh T đối với số tiền là 499.506.850 đồng.

[3] . Về án phí:

[3.1] Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim A phải chịu 10.583.300 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 23.980.274 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 16.080.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Minh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH theo biên lai số 0018826, ngày 01/11/2023. Bà Nguyễn Thị Minh T còn phải nộp số tiền án phí Dân sự sơ thẩm còn lại là 7.900.270 đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0001631 ngày 17/7/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Bôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã BH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
(Đã ký)

**Văn Công Dân**